

VN-Index giảm nhẹ 0,2%

Ngày báo cáo

16/09/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm nhẹ 0,2%

VN-Index giảm nhẹ 0,2% (-4,0 điểm), đóng cửa ở mức 1.680,9 điểm, chấm dứt chuỗi 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Toàn sàn ghi nhận 101 mã tăng, 210 mã giảm và 54 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 41,3 nghìn tỷ đồng.

- Trong ngành ngân hàng, các mã CTG (+1,7%), MBB (+2,4%), TCB (+0,9%) và LPB (+0,8%) đều tăng mạnh, trong khi VCB (-0,3%) và BID (-0,4%) giảm điểm.
- Các cổ phiếu bất động sản giảm sâu, bao gồm VIC (-2,0%), VHM (-1,7%), KDH (-1,6%), KBC (-3,1%) và DXG (-2,5%). BCM (+0,3%) và NVL (+0,3%) tăng nhẹ.
- Các mã tăng điểm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm hàng không HVN (+5,4%), sữa VNM (+2,5%), công nghệ FPT (+1,6%), bia SAB (+2,4%), và các nhà bán lẻ MWG (+1,0%) và FRT (+2,1%).
- Các mã giảm điểm nổi bật bao gồm tập đoàn thực phẩm và đồ uống MSN (-1,9%), thép HPG (-1,3%), cao su GVR (-1,3%), công nghiệp GEX (-2,5%) và dầu khí BSR (-2,3%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1680,9	279,0	111,3
% Δ	-0,2%	-0,6%	0,8%
- % Δ 1 tuần	2,7%	1,5%	1,3%
- % YTD	32,7%	22,7%	17,1%
- % YOY	35,6%	20,9%	20,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.566,7	\$91,4	\$30,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.672,4	\$124,0	\$41,5
- TB 1 năm (triệu)	\$868,6	\$60,4	\$34,2
- TB QTD	\$1.573,7	\$124,4	\$48,2
- % TB QTD/TB quý gần nhất	87,5%	129,4%	52,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$174,4	\$2,2	\$0,2
- Bán (triệu)	\$173,1	\$7,0	\$1,1
- GT ròng (triệu)	\$1,3	-\$4,8	-\$0,9
Độ rộng TT			
Mã tăng	126	62	173
Mã giảm	214	97	139
Không đổi	74	148	611
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	278,0	15,9	55,3
P/E trượt 12T	15,3	25,1	15,6
LS cổ tức*	2,2%	3,1%	4,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F2509	1.876,0	35.737	2127,2
4111FA000	1.868,2	8.490	55,4
VN30F2512	1.857,0	971	1,4
41IG3000	1.838,9	262	0,8
USD/VND			26.384

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin

- CTR ghi nhận LNTT sơ bộ trong 8T 2025 tăng 11% YoY – phù hợp kỳ vọng
- DGC: HĐQT thông qua điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Xút-clo – bổ sung giai đoạn 2, nâng tổng vốn đầu tư XDCB
- FPT: Khối lượng hợp đồng ký mới mảng CNTT nước ngoài tăng tốc trong tháng 8/2025 cùng với việc ký kết hợp đồng kỷ lục trị giá 256 triệu USD tại APAC củng cố kỳ vọng của chúng tôi về đà phục hồi tiếp diễn
- HVN: tăng 20% trong 6 phiên giao dịch gần nhất, nhờ việc được thêm vào chỉ số MVIS, kỳ vọng được gỡ khỏi diện “kiểm soát đặc biệt” và SCIC hoàn tất giải ngân thực hiện quyền mua
- POW: Tỷ lệ hợp đồng Qc cao dự kiến sẽ hỗ trợ LNST năm 2025, tiềm năng tăng nhẹ
- PVD: KQKD sơ bộ 8T 2025 đạt 67% dự báo năm 2025 của chúng tôi, phù hợp với kỳ vọng
- VPB: CTCP Chứng khoán VPBank (VPBankS) công bố mục tiêu kinh doanh tích cực cho giai đoạn 2026–2030; VPB chuyển nhượng 9,71% cổ phần của OPES cho VPBankS

Quan điểm kỹ thuật

Sự suy giảm của hoạt động mua vùng giá cao tạo điều kiện cho lực bán lắt át quanh kháng cự 1.700 điểm. Tuy nhiên, các phiên tăng giá trước đó đã giúp chỉ số thiết lập đà tăng ngắn hạn với hỗ trợ quanh 1.665 điểm. Một nhịp giảm về ngưỡng 1.600 điểm sẽ xuất hiện nếu VN-Index vi phạm hỗ trợ 1.665 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

CTR ghi nhận LNTT sơ bộ trong 8T 2025 tăng 11% YoY – phù hợp kỳ vọng

* KQKD sơ bộ trong 8T 2025:

- **Doanh thu:** Đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (+9% YoY; hoàn thành 66% dự báo cả năm của chúng tôi), chủ yếu nhờ mảng hạ tầng cho thuê tăng trưởng mạnh.

- **LNTT:** Đạt 470 tỷ đồng (+11% YoY; hoàn thành 64% dự báo cả năm của chúng tôi).

- KQKD phù hợp với dự báo của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi nào đáng kể đối với dự báo cho năm 2025, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* KQKD 8T 2025 của từng mảng:

- **Mảng vận hành khai thác** (doanh thu đi ngang YoY; 65% dự báo cả năm của chúng tôi) duy trì ổn định ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

- **Mảng hạ tầng cho thuê** (doanh thu +43% YoY; 65% dự báo cả năm của chúng tôi):

+ CTR đã xây dựng 187 trạm mới trong tháng 8/2025 (tổng cộng 1.117 trạm mới trong 8T 2025, tương đương 56% dự báo cả năm của chúng tôi), qua đó nâng tổng số trạm của CTR lên 11.117 trạm tính đến cuối tháng 8/2025.

+ Số lượng trạm dùng chung tăng lên 375 trạm so với 370 trạm vào cuối tháng 7/2025. Tỷ lệ dùng chung duy trì ổn định ở mức 1,03.

- **Mảng xây dựng** (doanh thu +18% YoY; 64% dự báo cả năm của chúng tôi): Doanh thu xây dựng tăng mạnh 39% YoY trong tháng 8 nhờ hoàn tất và ghi nhận doanh thu từ một số dự án. Tính đến

c cuối tháng 8/2025, tổng giá trị hợp đồng đã ký của mảng xây dựng dân dụng đạt 3,1 nghìn tỷ đồng (+3% YoY), bao gồm:

+ Mảng doanh nghiệp đến người tiêu dùng và doanh nghiệp vừa & nhỏ (B2C & SME): Đạt 1,8 nghìn tỷ đồng.

+ Mảng doanh nghiệp đến doanh nghiệp (B2B): Đạt 1,3 nghìn tỷ đồng.

- **Mảng tích hợp hệ thống & dịch vụ kỹ thuật** (doanh thu +11% YoY; 70% dự báo cả năm của chúng tôi): Chủ yếu được thúc đẩy bởi mảng giải pháp năng lượng mặt trời, mảng M&E & ICT.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị KHẢ QUAN cho CTR với giá mục tiêu 100.400 đồng/CP.

DGC: HĐQT thông qua điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Xút-clo – bổ sung giai đoạn 2, nâng tổng vốn đầu tư XDCB

* Theo đó, giai đoạn 2 sẽ có công suất 75,5 nghìn tấn/năm (bao gồm 20 nghìn tấn K₂SO₄, 15 nghìn tấn H₂O₂, 500 tấn hóa chất tinh khiết cơ bản, 2 triệu kWh/năm đối với ắc quy bình). Ban lãnh đạo dự kiến xin thủ tục đầu tư từ quý 3/2025 – quý 3/2026, sau đó sẽ bắt đầu khởi công xây dựng với mục tiêu đưa vào vận hành thương mại vào quý 4/2027. Trong đó, mảng ắc quy bình sẽ được triển khai theo 3 giai đoạn: (1) 500k kWh/năm trong quý 3/2026 – quý 3/2028, (2) 500k kWh/năm trong quý 1/2029 – quý 4/2030, (3) 1,0 triệu kWh/năm trong quý 1/2031 – quý 1/2033.

* Trong khi đó, kế hoạch giai đoạn 1 vẫn được giữ nguyên, và hiện đang trong giai đoạn thi công với công suất 151 nghìn tấn/năm (bao gồm 50 nghìn tấn NaOH, 15 nghìn tấn HCl, 30 nghìn tấn PAC, 10 nghìn tấn H₃PO₄ & phái sinh, 46 nghìn tấn hợp chất chứa Clo) với mục tiêu đưa vào hoạt động trong quý 2/2026.

* Vốn đầu tư XDCB: Điều chỉnh lên 2,9 nghìn tỷ đồng (từ mức 2,4 nghìn tỷ đồng trước đây), nhằm bổ sung vốn cho giai đoạn 2.

* Ngoài ra, HĐQT cũng thông qua việc giải tỏa 8,5 triệu cổ phiếu ESOP (2,24% tổng số cổ phiếu) từ ngày 23/09/2025.

* Chúng tôi cho rằng các sửa đổi trên là một động thái chủ động của DGC nhằm nắm bắt nhu cầu ngày càng tăng đối với nhu cầu hóa chất hạ nguồn, cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của doanh nghiệp. Việc bổ sung giai đoạn 2 thể hiện kỳ vọng tích cực của ban lãnh đạo đối với triển vọng thị trường dài hạn và năng lực sản xuất của công ty. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với DGC với giá mục tiêu là 126.000 đồng/cổ phiếu.

FPT: Khối lượng hợp đồng ký mới mảng CNTT nước ngoài tăng tốc trong tháng 8/2025 cùng với việc ký kết hợp đồng kỷ lục trị giá 256 triệu USD tại APAC củng cố kỳ vọng của chúng tôi về đà phục hồi tiếp diễn

1. KQKD sơ bộ 8T 2025:

* Doanh thu: 43,8 nghìn tỷ đồng (+11% YoY; hoàn thành 62% dự báo cả năm của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 5,9 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; hoàn thành 65% dự báo cả năm của chúng tôi).

2. KQKD theo mảng kinh doanh trong 8T 2025:

* **CNTT nước ngoài:** Doanh thu +13% YoY; LNST +12% YoY.

- Thị trường Nhật Bản duy trì tăng trưởng ổn định với doanh thu tăng 27% YoY trong 8T 2025.

- Doanh thu từ chuyển đổi số (DX) tăng 19% YoY trong 8T 2025, chiếm 47% doanh thu mảng CNTT nước ngoài.

- Khối lượng hợp đồng ký mới tăng 12% YoY lên 25.970 tỷ đồng trong 8T 2025, tăng tốc so với mức tăng 8% YoY trong 7T 2025. FPT tiếp tục ghi nhận tâm lý tích cực từ khách hàng trong mảng CNTT nước ngoài trong tháng 8 và kỳ vọng các dấu hiệu phục hồi trong nửa cuối năm 2025. Đáng chú ý, công ty gần đây đã chốt một hợp đồng kỷ lục trị giá 256 triệu USD kéo dài 5 năm với một trong những tập đoàn năng lượng hàng đầu tại châu Á. Theo hợp đồng này, FPT trở thành đối tác chiến lược cung cấp giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho khách hàng, bao gồm phát triển phần mềm tùy chỉnh, kỹ thuật dữ liệu, điện toán đám mây, và các dịch vụ khác. Ngoài ra, FPT đã ký biên bản ghi nhớ (MoU) trị giá 30 triệu USD với một trong những tập đoàn công nghiệp lớn nhất Đông Nam Á về chương trình chuyển đổi toàn diện về AI trong mảng sản xuất trong ba năm, kéo dài từ năm 2025 đến năm 2028. Chúng tôi đánh giá những diễn biến này là những tín hiệu phục hồi sớm tại thị trường APAC, củng cố kỳ vọng của chúng tôi về đà phục hồi tiếp diễn. Điều này cũng chứng tỏ năng lực của FPT trong việc thực hiện các dự án CNTT quy mô lớn và củng cố vị thế của công ty trong việc mở rộng quy mô của mảng CNTT nước ngoài.

* **CNTT trong nước:** Doanh thu +2% YoY; LNTT +24% YoY.

* **Viễn thông:** Doanh thu +12% YoY; LNTT +20% YoY.

- Tăng trưởng doanh thu viễn thông vững chắc chủ yếu nhờ số lượng thuê bao của mảng băng thông rộng tăng. Ngoài ra, biên LNTT của mảng viễn thông cải thiện 1,4 điểm % YoY lên 22,6% trong 8T 2025 nhờ doanh thu trung bình trên mỗi thuê bao của mảng băng thông rộng cao hơn và các sáng kiến tối ưu hóa chi phí.

* **Giáo dục, đầu tư và khác:** Doanh thu +4% YoY; LNTT +25% YoY.

- Tăng trưởng doanh thu khiêm tốn phản ánh tác động kéo dài từ sự sụt giảm hơn 20% YoY trong số lượng tuyển sinh mới năm 2024, trong khi tăng trưởng LNTT mạnh hơn được hỗ trợ bởi đóng góp từ công ty liên kết.

3. Quan điểm của chúng tôi:

* Các kết quả này, cùng với những diễn biến tích cực gần đây trong việc ký kết các hợp đồng CNTT nước ngoài mới, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Do đó, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Chúng tôi hiện đưa ra giá mục tiêu cho FPT là 121.200 đồng/cổ phiếu.

KQKD sơ bộ 8T 2025 của FPT

Tỷ đồng	8T 2024	8T 2025	YoY	KQ 8T 2025/dự báo 2025 của Vietcap
Doanh thu	39.664	43.818	11%	62%
Công nghệ	24.525	27.123	11%	62%
- CNTT nước ngoài	19.934	22.437	13%	64%
- CNTT trong nước	4.591	4.686	2%	55%
Viễn thông	11.228	12.611	12%	64%
Giáo dục, đầu tư & các mảng khác	3.911	4.084	4%	60%
LNTT	7.077	8.315	18%	65%
Công nghệ	3.370	3.807	13%	62%
- CNTT nước ngoài	3.182	3.574	12%	62%
- CNTT trong nước	188	233	24%	56%
Viễn thông	2.378	2.850	20%	66%
Giáo dục, đầu tư & các mảng khác	1.330	1.658	25%	70%
LNST sau lợi ích CBTS	5.007	5.939	19%	65%

Nguồn: FPT, Vietcap

HVN: tăng 20% trong 6 phiên giao dịch gần nhất, nhờ việc được thêm vào chỉ số MVIS, kỳ vọng được gỡ khỏi diện “kiểm soát đặc biệt” và SCIC hoàn tất giải ngân thực hiện quyền mua

* Market Vector Vietnam Local Index (MVIS) đã công bố bổ sung thêm FPT, HVN, STB và GEE vào chỉ số, và không có mã cổ phiếu nào bị loại trừ. Dựa trên giá đóng cửa phiên thứ Sáu tuần trước, VanEck dự kiến sẽ thêm vào khoảng 7,8 triệu cổ phiếu HVN (gấp 5,2 lần khối lượng giao dịch trung bình 30 ngày). Các thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi kết thúc phiên giao dịch ngày 19/09/2025 và chính thức áp dụng từ ngày 22/09/2025.

* Nghị định 245/2025/NĐ-CP mới đã đưa ra một số trường hợp ngoại lệ đối với quy định bắt buộc hủy niêm yết. Điều này đã củng cố kỳ vọng của nhà đầu tư rằng HVN có thể tận dụng nghị định mới để xin gỡ khỏi diện “kiểm soát đặc biệt” và giảm thiểu rủi ro hủy niêm yết, do các khoản lỗ trong giai đoạn dịch Covid không được xem là do yếu tố cơ bản của doanh nghiệp suy yếu.

* Vào Ngày 16/09, theo truyền thông trong nước, SCIC đã hoàn tất giải ngân 7,7 nghìn tỷ đồng để thực hiện quyền mua trong đợt phát hành quyền mua giai đoạn 1 của HVN (tổng giá trị 9 nghìn tỷ đồng), tương ứng với phần sở hữu 86,34% trước đây của Nhà nước (CMSC và SCIC). Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của SCIC tại HVN hiện tăng lên mức 47,1% (so với 31,1% trước đó), theo ước tính của chúng tôi.

* Tựu chung, những diễn biến này đã giúp thúc đẩy tâm lý nhà đầu tư và hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu gần đây của HVN. Chúng tôi hiện đưa ra giá mục tiêu cho HVN là 37.100 đồng/cổ phiếu.

POW: Tỷ lệ hợp đồng Qc cao dự kiến sẽ hỗ trợ LNST năm 2025, tiềm năng tăng nhẹ

* Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW) ghi nhận 8 tháng tăng trưởng mạnh về doanh thu (22,2 nghìn tỷ đồng, +15% YoY, hoàn thành 65% dự báo năm 2025 của chúng tôi, không bao gồm NT3&4) và sản lượng thương phẩm (11,6 tỷ kWh, +12% YoY, hoàn thành 63% dự báo năm 2025 của chúng tôi, không bao gồm NT3&4, phù hợp với dự báo). Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi mức tăng 12% YoY của sản lượng và mức tăng 3% YoY của giá bán trung bình. Sự gia tăng của giá bán trung bình chủ yếu đến từ mức tăng của tỷ lệ sản lượng hợp đồng Qc trong 8 tháng đầu năm (8T 2025), đạt 95% (cao hơn so với mức 74% ghi nhận trong 8T 2024 và so với dự báo năm 2025 của chúng tôi cho các nhà máy nhiệt điện là 80%), trong khi giá CGM tháng 8 vẫn thấp ở mức 837 đồng/kWh (-44% YoY và +31% MoM).

* POW kỳ vọng nhà máy Nhơn Trạch 3 sẽ được đưa vận hành vào tháng 11/2025 trong khi Nhơn Trạch 4 dự kiến sẽ vận hành vào tháng 12/2025, chậm hơn so với dự báo của chúng tôi là tháng 8 và tháng 11/2025. Mức tỷ lệ Qc cam kết tối thiểu dài hạn 65% và việc giá trần điện LNG năm 2025 đã được phê duyệt sẽ tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho NT3&4 ký hợp đồng mua bán khí (GSA) vào quý 4/2025.

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 của POW (1.318 tỷ đồng, +19% YoY) do mức tỷ lệ Qc cao hơn dự kiến và mức dự phòng cho khoản bồi thường bảo hiểm Vũng Áng thấp hơn kỳ vọng có thể sẽ bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá cao hơn dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

Sản lượng điện thương phẩm 8T 2025 của POW

Triệu kWh	8T 2024	8T 2025	YoY	% dự báo 2025 của Vietcap*
Tổng sản lượng (triệu kWh)	10.377	11.596	12%	63%
Cà Mau	3.931	3.659	-7%	58%
Nhơn Trạch 1	119	667	463%	132%
Nhơn Trạch 2	1.654	1.946	18%	60%
Vũng Áng	4.018	4.369	9%	62%
Hỏa Na	300	531	77%	78%
Đắc đĩnh	356	423	19%	64%

Nguồn: POW, Vietcap (*Không bao gồm sản lượng từ Nhơn Trạch 3 & 4 do các nhà máy này chưa đi vào vận hành)

PVD: KQKD sơ bộ 8T 2025 đạt 67% dự báo năm 2025 của chúng tôi, phù hợp với kỳ vọng

* Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) công bố KQKD sơ bộ 8T 2025 với doanh thu đạt 6 nghìn tỷ đồng (69% dự báo năm 2025 của chúng tôi) và LNTT đạt 751 tỷ đồng (75% dự báo năm 2025 của chúng tôi). Chúng tôi ước tính LNST sau lợi ích CĐTTS 8T 2025 đạt 21,7 triệu USD (67% dự báo năm 2025 của chúng tôi). Những kết quả này phù hợp với kỳ vọng, do đó chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2025 của chúng tôi.

* Trong tương lai, PetroVietnam đặt mục tiêu CAGR tăng trưởng doanh thu 2026-2030 cho PVD là 15,2%, cao hơn mức dự báo hiện tại của chúng tôi là CAGR 12% cho giai đoạn 2026-2029, cho thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo dài hạn. Ngoài ra, PetroVietnam cũng yêu cầu PVD chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị dầu khí trong nước để tiết kiệm chi phí và gia tăng giá trị. Chúng tôi hiểu rằng điều này ngụ ý việc hoạt động thăm dò và khai thác (E&P) tại Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng trong những năm tới, đảm bảo đủ việc làm cho PVD.

*Chúng tôi hiện có khuyến nghị PVD KHẢ QUAN với giá mục tiêu 24.900 đồng/cổ phiếu.

VPB: CTCP Chứng khoán VPBank (VPBankS) công bố mục tiêu kinh doanh tích cực cho giai đoạn 2026-2030; VPB chuyển nhượng 9,71% cổ phần của OPES cho VPBankS

1. Chiến lược kinh doanh của VPBankS giai đoạn 2026-2030

* Công ty đã công bố các mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ cho giai đoạn 2026-2030, bao gồm mục tiêu LNTT năm 2030 đạt 17,5 nghìn tỷ đồng và ROE đạt 19,0%. Điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) về lợi nhuận là 32% trong giai đoạn 2025-2030.

* Mục tiêu thị phần đến năm 2030 bao gồm: môi giới: 10% (năm 2025: 2,9%); phái sinh: 20% (năm 2025: 3,5%); phát hành trái phiếu doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng: 18,5% (năm 2025: 10,2%); cho vay ký quỹ: 15,0% (năm 2025: 10,0%).

* Trước đó, công ty cũng đã công bố điều chỉnh tăng 122% mục tiêu lợi nhuận năm 2025, nâng lên 4,5 nghìn tỷ đồng, chủ yếu được thúc đẩy bởi dự báo doanh thu cao hơn từ hoạt động môi giới trái phiếu và tự doanh. Công ty cũng đặt mục tiêu IPO (25% cổ phiếu đang lưu hành) vào quý 2/2026.

* Tóm tắt chiến lược phát triển trung hạn của công ty:

- Nền tảng giao dịch tích hợp AI để nâng cao trải nghiệm người dùng và hiệu quả giao dịch.
- Thị trường vốn nợ (DCM) tích hợp Blockchain để tạo ra một cơ sở hạ tầng thị trường trái phiếu minh bạch, liền mạch.

- Các giải pháp Thị trường vốn cổ phần (ECM) toàn diện cho khách hàng tổ chức, từ nghiên cứu phân tích đến thực hiện các giao dịch lớn.
- Hệ thống cho vay ký quỹ tự động sử dụng AI để kiểm soát rủi ro liên mạch và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tích hợp WealthTech với ngân hàng mẹ để cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cá nhân hóa cho hơn 30 triệu khách hàng.
- Huy động vốn và kinh doanh chênh lệch lãi suất, tận dụng các mối quan hệ với VPBank/SMBC để tiếp cận nguồn vốn với chi phí cạnh tranh.
- Mở rộng mảng quản lý quỹ thông qua M&A hoặc thành lập mới để đa dạng hóa nguồn thu nhập.
- Phát triển tài sản số và blockchain, bao gồm nền tảng giao dịch tiền mã hóa, cho vay ngang hàng (P2P lending) và sàn giao dịch hàng hóa và vàng tương lai.
- Hợp tác toàn cầu về công nghệ và tài chính để thúc đẩy đổi mới và mở rộng quy mô phân phối.
- Các chiến lược tự doanh dựa trên AI, tập trung vào M&A, chiến lược đầu tư cổ phiếu phát hành riêng lẻ trong công ty đại chúng (PIPE) và giao dịch định lượng để nâng cao hiệu quả.

Nhận định của chúng tôi: Tận dụng lượng khách hàng lớn, nguồn hỗ trợ vốn vững chắc và chuyên môn quản lý mạnh mẽ của ngân hàng mẹ, chúng tôi tin rằng những lợi thế cạnh tranh này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho VPBankS đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng thông qua chiến lược tập trung vào công nghệ. Dựa trên kế hoạch kinh doanh này và các dự báo hiện tại của chúng tôi cho VPB, chúng tôi ước tính lợi nhuận của VPBankS sẽ tương đương khoảng 22%-27% LNTT hợp nhất của VPB trong giai đoạn 2025-2030 - cao hơn kỳ vọng hiện tại của chúng tôi và cho thấy tiềm năng tăng trưởng đối với dự báo của chúng tôi.

2. VPB chuyển nhượng 9,71% cổ phần của OPES cho VPBankS

* VPB đã phê duyệt việc chuyển nhượng 18,45 triệu cổ phiếu (tương đương 9,71% vốn điều lệ) tại Bảo hiểm OPES cho công ty con là VPBankS.

* Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của VPBank tại OPES sẽ giảm từ 99,42% xuống còn 89,71%.

* Giá chuyển nhượng sẽ do Chủ tịch HĐQT của VPB quyết định.

* Thời gian dự kiến: Quý 3/2025 và Quý 1/2026.

* Đây là một phần trong chiến lược đa dạng hóa danh mục đầu tư của VPBankS.

* Hiện tại, OPES có vốn điều lệ 1,9 nghìn tỷ đồng (khoảng 2,4% vốn điều lệ hiện tại của VPB). Trong 6 tháng đầu năm 2025, OPES ghi nhận tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, vượt 15% so với mục tiêu và tăng 113% YoY. LNTT đạt 109% so với kế hoạch lũy kế 6 tháng đầu năm 2025. Công ty đã phát hành khoảng 139 triệu hợp đồng bảo hiểm (+40% YoY). Đáng chú ý, OPES đã lọt vào top 7 công ty bảo hiểm theo thị phần tính đến giữa năm 2025.

Nhận định của chúng tôi: Với đà tăng trưởng mạnh mẽ của OPES và tiềm năng dài hạn đáng kể của ngành bảo hiểm, chúng tôi tin rằng khoản đầu tư này sẽ hỗ trợ VPBankS trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư, đồng thời phù hợp với các mục tiêu kinh doanh đầy tham vọng của công ty trong giai đoạn 2026-2030.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
NLG	Bất động sản	4%	606	6,8	41.500	58.600	41%	1,2%	42%	MUA	14/08/25	23,9	22,9	23,2	1,6
PTB	Công nghiệp	12%	132	0,5	52.200	71.000	36%	4,6%	41%	MUA	14/03/25	8,0	7,1	16,0	1,2
KDH	Bất động sản	18%	1.459	10,0	34.300	47.100	37%	0,0%	37%	MUA	22/08/25	40,4	34,0	23,2	2,2
IDC	KCN	32%	613	5,2	42.600	56.100	32%	4,7%	36%	MUA	15/08/25	10,3	8,3	23,2	2,9
PLX	Xăng dầu	4%	1.731	3,3	35.950	47.800	33%	3,3%	36%	MUA	04/08/25	20,4	12,3	24,1	1,8
ACG	Gỗ	12%	206	0,0	36.000	45.800	27%	4,7%	32%	MUA	15/07/25	10,0	9,0	16,0	1,3
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.324	2,0	47.800	58.000	21%	10,5%	32%	MUA	10/09/25	14,2	13,5	16,1	2,8
DGC	Công nghiệp	36%	1.439	9,3	100.000	126.000	26%	3,0%	29%	MUA	25/07/25	12,0	10,0	15,9	2,6
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	559	3,9	65.700	81.700	24%	3,0%	27%	MUA	17/02/25	9,9	7,3	16,1	1,5
SIP	KCN	45%	552	1,0	60.200	73.900	23%	3,3%	26%	MUA	18/06/25	13,0	12,2	23,2	3,1
GAS	Dầu khí	47%	5.734	2,6	62.700	76.100	21%	4,0%	25%	KQ	13/08/25	12,6	11,9	13,0	2,3
ACV	Hàng không	46%	8.106	1,9	59.700	74.300	24%	0,0%	24%	KQ	13/08/25	18,2	15,9	14,1	3,3
SZC	KCN	17%	239	2,5	35.050	42.400	21%	2,9%	24%	KQ	01/07/25	21,8	17,9	23,2	2,0
DPG	Điện & Nước	46%	174	5,0	45.600	55.200	21%	2,2%	23%	MUA	04/09/25	13,5	6,0	17,7	2,3
BMI	Bảo hiểm	21%	109	0,6	21.750	26.200	20%	2,3%	23%	MUA	12/04/24	8,9	7,6	16,1	1,0
TV2	Điện & Nước	6%	94	0,6	36.700	43.900	20%	2,7%	22%	KQ	25/07/25	50,2	16,9	14,1	2,0
ACB	Ngân hàng	0%	5.140	28,2	26.400	31.200	18%	3,8%	22%	MUA	18/08/25	7,6	6,3	13,2	1,6
PNJ	Bán lẻ	0%	1.136	2,7	88.700	105.900	19%	2,3%	22%	MUA	14/08/25	15,0	13,7	10,9	2,5
FRT	Bán lẻ	18%	878	3,7	136.000	165.300	22%	0,0%	22%	MUA	03/09/25	32,5	20,0	15,6	7,9
HDG	Điện & Nước	31%	437	8,1	31.200	37.770	21%	0,0%	21%	MUA	11/09/25	15,9	10,1	23,2	1,9
HPG	VLXD	30%	8.713	96,6	29.950	35.300	18%	2,7%	21%	MUA	14/08/25	14,3	10,7	16,0	1,9
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	40%	666	0,3	47.800	53.400	12%	8,4%	20%	KQ	30/08/24	6,9	6,9	16,1	1,8

QTP	Điện & Nước	48%	230	0,2	13.500	15.000	11%	8,9%	20%	MUA	02/06/25	10,4	9,6	13,0	1,2
TLG	Văn phòng phẩm	86%	184	0,5	55.300	62.800	14%	6,3%	20%	MUA	12/09/25	10,1	8,8	10,9	1,9
PPC	Điện & Nước	44%	132	0,3	10.850	12.400	14%	5,5%	20%	PHTT	02/06/25	14,9	6,6	13,0	0,8
FPT	CNTT	12%	6.683	44,7	103.500	121.200	17%	1,9%	19%	KQ	14/08/25	19,3	16,6	16,9	5,2
SCS	DV Hàng không	16%	221	0,8	61.400	67.000	9%	9,8%	19%	KQ	29/05/25	8,5	8,3	18,2	4,3
PVS	Dầu khí	38%	636	7,8	35.100	41.600	19%	0,0%	19%	MUA	08/08/25	20,2	16,5	24,1	1,2
VPB	Ngân hàng	6%	9.532	74,9	31.700	37.000	17%	1,6%	18%	PHTT	21/08/25	13,2	10,2	13,2	1,7
VCB	Ngân hàng	8%	20.775	27,7	65.600	77.600	18%	0,0%	18%	MUA	25/08/25	16,3	13,8	13,2	2,6
VEA	Ô-tô	47%	2.004	1,1	39.800	42.200	6%	12,2%	18%	PHTT	20/09/24	7,6	7,0	14,1	1,8
AST	DV Hàng không	4%	121	0,0	71.200	80.600	13%	4,9%	18%	MUA	26/08/25	14,7	12,4	15,6	5,7
PHR	Công nghiệp	35%	300	1,2	58.500	67.400	15%	2,3%	18%	KQ	25/06/25	16,1	10,9	15,9	2,1
PVT	Dầu khí	41%	323	2,6	18.150	21.200	17%	0,0%	17%	KQ	13/08/25	8,7	7,2	14,1	1,1
PC1	Điện & Nước	35%	361	7,6	26.650	31.100	17%	0,0%	17%	KQ	05/08/25	18,6	10,9	17,7	1,7
MSN	Bán lẻ	75%	4.757	38,8	86.800	101.200	17%	0,0%	17%	MUA	21/05/25	46,2	29,6	14,1	3,9
DHC	Công nghiệp	13%	127	0,6	34.700	39.100	13%	3,2%	16%	MUA	21/08/25	10,4	9,4	16,0	1,6
VGC	KCN	43%	994	4,2	58.500	65.300	12%	3,8%	15%	PHTT	19/08/25	18,4	13,3	17,7	3,0
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	5.125	13,2	64.700	70.300	9%	6,2%	15%	MUA	24/04/25	16,2	15,4	16,1	4,2
CTG	Ngân hàng	4%	10.685	25,3	52.500	60.000	14%	0,0%	14%	MUA	18/08/25	10,7	8,9	13,2	1,7
PLC	Dầu khí	48%	89	0,6	28.900	31.900	10%	3,5%	14%	MUA	12/09/25	18,5	9,2	15,9	1,9
OIL	Dầu khí	5%	463	2,1	11.800	13.300	13%	0,8%	14%	KQ	21/07/25	256,5	25,5	24,1	1,2
BWE	Điện & Nước	40%	400	0,7	48.000	53.100	11%	2,7%	13%	KQ	11/08/25	15,8	11,2	13,0	2,0
CTR	CNTT	43%	395	1,7	91.100	100.400	10%	2,2%	12%	KQ	12/09/25	23,6	20,3	17,7	5,3
BMP	VLXD	15%	471	0,9	151.700	155.400	2%	9,6%	12%	KQ	04/09/25	10,2	10,5	17,7	4,4
HDB	Ngân hàng	0%	4.146	27,9	31.300	34.000	9%	3,2%	12%	KQ	08/09/25	6,8	5,8	13,2	1,8
STB	Ngân hàng	11%	4.009	29,0	56.100	62.400	11%	0,0%	11%	KQ	25/08/25	8,3	4,4	13,2	1,8
NT2	Điện & Nước	38%	247	1,4	22.650	23.500	4%	6,6%	10%	MUA	18/07/25	13,8	8,4	13,0	1,5

MBB	Ngân hàng	1%	8.396	48,7	27.500	30.000	9%	1,1%	10%	KQ	25/08/25	8,6	7,0	13,2	1,8
DXG	Bất động sản	25%	911	23,6	23.600	26.000	10%	0,0%	10%	KQ	29/08/25	94,0	53,5	23,2	2,0
DCM	Phân bón	42%	779	7,6	38.800	40.700	5%	5,2%	10%	MUA	10/07/25	13,0	10,0	15,9	2,1
KBC	KCN	36%	1.356	19,1	38.000	41.500	9%	0,0%	9%	MUA	11/08/25	20,1	12,5	23,2	1,5
REE	Điện & Nước	0%	1.382	2,5	67.300	72.200	7%	1,5%	9%	PHTT	15/08/25	14,2	12,0	14,1	1,9
GVR	Công nghiệp	13%	4.465	4,9	29.450	31.200	6%	1,4%	7%	PHTT	04/07/25	27,4	24,7	15,9	2,1
BID	Ngân hàng	13%	11.190	16,0	42.050	44.800	7%	0,0%	7%	MUA	26/05/25	12,7	11,9	13,2	1,9
PVD	Dầu khí	45%	502	7,8	23.850	24.900	4%	2,1%	6%	KQ	11/08/25	18,6	13,9	24,1	0,8
TCB	Ngân hàng	0%	10.569	49,7	39.350	40.800	4%	2,5%	6%	KQ	11/08/25	11,0	9,2	13,2	1,8
DGW	Bán lẻ	26%	377	4,6	45.350	47.400	5%	1,1%	6%	PHTT	23/07/25	18,6	14,1	15,6	3,2
DXS	Bất động sản	30%	293	2,5	13.350	14.100	6%	0,0%	6%	KQ	29/08/25	18,8	15,5	23,2	1,3
VRE	Bất động sản	32%	2.635	6,8	30.600	31.300	2%	0,0%	2%	PHTT	29/08/25	15,5	14,0	23,2	1,6
TDM	Điện & Nước	48%	251	0,2	59.600	58.600	-2%	2,3%	1%	PHTT	11/08/25	32,7	23,5	13,0	2,6
SSI	Chứng khoán	60%	3.273	86,4	41.600	40.800	-2%	2,4%	0%	KQ	27/08/25	21,7	16,7	24,2	3,1
BVH	Bảo hiểm	22%	1.643	1,6	58.400	56.900	-3%	1,5%	-1%	KQ	26/05/25	16,5	13,9	16,1	1,9
VIB	Ngân hàng	0%	2.716	21,0	21.050	20.800	-1%	0,0%	-1%	KQ	23/05/25	8,1	7,0	13,2	1,7
MWG	Bán lẻ	2%	4.500	34,0	80.300	78.300	-2%	1,2%	-1%	MUA	30/05/25	21,4	16,5	15,6	4,0
GEX	Điện & Nước	43%	1.847	24,8	54.000	52.300	-3%	0,9%	-2%	PHTT	21/08/25	32,1	28,0	14,1	3,4
HVN	Hàng không	21%	4.515	2,5	38.250	37.100	-3%	0,0%	-3%	KQ	22/07/25	9,9	13,8	18,2	-30,1
STK	Dệt may	82%	97	0,0	26.400	25.500	-3%	0,0%	-3%	KQ	17/01/25	31,7	17,8	15,9	1,4
VHM	Bất động sản	40%	15.988	17,5	102.700	98.700	-4%	0,0%	-4%	PHTT	29/08/25	12,0	11,4	23,2	2,0
POW	Điện & Nước	46%	1.371	10,6	15.450	14.800	-4%	0,0%	-4%	KQ	02/06/25	28,9	19,4	13,0	1,1
VIC	Bất động sản	44%	19.715	18,5	135.000	127.900	-5%	0,0%	-5%	PHTT	29/08/25	39,0	38,0	23,2	3,7
GMD	GTVT	8%	1.179	10,5	74.000	65.700	-11%	3,0%	-8%	KQ	31/07/25	22,4	22,9	14,1	2,5
DPM	Phân bón	43%	709	4,5	27.500	23.900	-13%	4,2%	-9%	KQ	10/07/25	24,8	17,2	15,9	1,6
HDC	Bất động sản	43%	237	8,4	35.000	30.400	-13%	0,0%	-13%	KQ	21/03/25	36,4	21,1	23,2	2,7
TPB	Ngân hàng	5%	1.968	35,7	19.650	16.500	-16%	0,0%	-16%	MUA	27/05/25	7,9	7,2	13,2	1,4
VJC	Hàng không	23%	3.184	13,1	142.000	114.000	-20%	0,0%	-20%	KQ	15/03/24	20,5	15,9	18,2	3,6

BSR	Lọc hóa dầu	49%	3.226	17,4	27.450	20.100	-27%	0,0%	-27%	BÁN	28/08/25	28,7	21,7	24,1	1,5
HSG	VLXD	39%	475	9,9	20.200	13.500	-33%	2,5%	-31%	PHTT	18/04/25	25,3	21,4	16,0	1,1
VTP	GTVT	45%	480	2,5	103.900	69.000	-34%	1,4%	-32%	PHTT	06/09/24	35,8	30,5	14,1	7,6
NKG	VLXD	43%	331	14,4	19.500	13.100	-33%	0,0%	-33%	PHTT	18/04/25	20,4	15,1	16,0	1,2
LPB	Ngân hàng	4%	5.084	6,6	44.900	29.800	-34%	0,0%	-34%	BÁN	18/08/25	13,2	13,0	13,2	3,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KDG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
MUA	33	88.978	2.696	11	15,9	14,0	11,7	16,1	2,2	25,3	16,1	12,5	2,4	3,0%
KHẢ QUAN	31	72.205	2.329	11	13,5	12,1	10,0	13,1	2,3	27,3	28,2	15,0	1,3	2,2%
PHÙ HỢP TT	15	60.608	4.041	4	20,1	17,6	15,6	17,6	2,3	23,2	21,8	18,0	2,5	2,3%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	8.309	4.155	0	22,2	16,7	15,4	11,5	2,3	74,6	20,9	17,3	2,4	0,0%
TỔNG CỘNG	81	230.101	2.841	26	16,0	14,2	11,9	15,2	2,2	26,9	21,9	14,6	2,0	2,5%

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
Ngân hàng	12	94.210	7.851	11	12,6	11,0	9,0	12,0	1,9	11,9	10,4	8,7	1,9	1,0%
Bảo hiểm	2	1.752	876	1	19,6	15,6	13,2	15,4	1,8	16,8	12,7	10,7	1,4	1,9%
Chứng khoán	1	3.273	3.273	1	33,3	21,7	16,7	21,3	3,1	33,3	21,7	16,7	3,1	2,4%
Tiêu dùng	13	29.587	2.276	5	19,5	17,3	14,8	19,3	3,5	24,8	18,6	14,6	3,5	4,3%
Bất động sản	8	41.844	5.231	2	22,9	19,9	18,8	19,5	2,5	48,1	35,0	26,3	2,1	0,2%
Vật liệu	4	9.990	2.497	1	19,3	14,5	11,1	16,4	1,9	18,0	17,5	14,4	2,2	3,7%
Điện & Nước	12	6.927	577	1	24,3	20,0	14,3	20,9	1,8	31,2	21,8	13,5	1,9	2,8%
Dầu khí	10	14.191	1.419	2	20,5	16,9	13,7	18,2	1,7	36,7	42,2	14,5	1,5	2,3%
Công nghiệp	5	2.001	400	0	13,8	11,6	9,8	14,4	2,0	21,3	14,4	10,6	1,6	3,1%
Khu công nghiệp	7	8.520	1.217	1	24,3	20,5	16,3	22,7	2,1	27,8	18,2	14,3	2,4	2,6%
GTVT & Logistics	7	17.805	2.544	1	13,5	15,4	15,6	16,2	4,7	21,1	18,6	17,1	-0,4	2,7%
TỔNG CỘNG	81	230.101	2.841	26	16,0	14,2	11,9	15,2	2,2	26,9	21,9	14,6	2,0	2,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn; sẵn sàng cho đà phục hồi NIM
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	18%	MUA	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ	BÁN	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA	KQ	Lợi thế cạnh tranh vững chắc thúc đẩy triển vọng tăng trưởng
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA	KQ	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	21%	MUA	PHTT	Định giá phản ánh triển vọng tăng trưởng khả quan hơn nhờ chính sách thuế quan rõ ràng hơn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HDKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi
FPT	19%	16%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	124%	MUA	MUA	Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA		MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm

MWG	54%	35%	MUA		Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-5%	MUA	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ		Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA		Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	3%	MUA	MUA	Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỷ lục
VEA	5%	11%	PHTT		Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA		
VNM	-17%	6%	MUA		Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics					
ACV	-7%	-14%	MUA	KQ	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	51%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ		LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT		Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ		Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT		Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản					
DXG	107%	-13%	KQ	KQ	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3,7x	224%	KQ	KQ	Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ		Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	17%	MUA	MUA	Quý đất chiến lược tại trung tâm TP. HCM thúc đẩy tăng trưởng dài hạn
NLG	218%	35%	MUA	MUA	Thị trường phục hồi, quỹ đất sẵn sàng dự kiến thúc đẩy triển vọng doanh số bán hàng
VHM	-8%	17%	PHTT	PHTT	Triển khai mở bán các dự án mới thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận, doanh số bán hàng
VIC	45%	8%	PHTT	PHTT	Lợi nhuận mảng BĐS mạnh mẽ; Chủ tịch HĐQT tăng cường hỗ trợ vốn trong 6T cuối 2025
VRE	15%	10%	KQ	PHTT	TTTM mới khai trương trong 6T cuối 2025; mảng bán BĐS hỗ trợ thêm lợi nhuận từ năm 2026
Khu công nghiệp					
GVR	100%	8%	PHTT		KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dắt đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025

IDC	-43%	-21%	MUA	MUA	Triển vọng doanh số cho thuê đất KCN khả quan; quỹ đất lớn tạo động lực tăng trưởng
KBC	663%	280%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán các dự án mới dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ		Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	24%	KQ	KQ	Biên lợi nhuận dự kiến duy trì ở mức cao nhờ chi phí đầu vào thấp; cổ tức tiền mặt cao
DGC	10%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	34%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA		LNTT tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ		Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước					
BWE (2)	27%	14%	PHTT	KQ	LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-6%	KQ	PHTT	Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	115%	MUA	MUA	Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	19%	MUA	KQ	Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng
QTP	-7%	-5%	MUA		LNTT 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn

REE	48%	29%	MUA	PHTT	Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-57%	PHTT	PHTT	Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	60%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	52%	KQ	MUA	Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	35%	KQ	PHTT	Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	370%	KQ	BÁN	Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA	MUA	LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ	KQ	Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	17%	MUA	KQ	Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	193%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công
PVD (2)	-16%	4%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	21%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	3%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.680,9	-4,0
VN 30	1.875,4	-1,4
VN Mid	2.564,4	-22,2
VNSmall	1.624,5	-12,2

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	279,0	-1,7
HNX30	612,1	-8,6
VNX Allshare	2.895,5	-8,0

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	111,3	0,9

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.577,8	8,7%
Khối ngoại mua	4.601,5	11,1%
Khối ngoại bán	4.566,7	11,0%
Tổng giao dịch	41.336,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	10,9	0,5%
Khối ngoại mua	58,4	2,4%
Khối ngoại bán	185,4	7,7%
Tổng giao dịch	2.412,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	42,9	5,3%
Khối ngoại mua	6,0	0,7%
Khối ngoại bán	29,7	3,7%
Tổng giao dịch	807,4	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VNE	470	6,9%
JVC	480	6,9%
TEG	440	6,9%
HVN	1.950	5,4%
HSL	600	4,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
L40	3.500	5,7%
KSF	2.800	3,5%
NRC	100	1,6%
VC7	200	1,6%
VCS	700	1,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KLB	2.661	11,0%
ECO	1.417	4,6%
DVN	770	3,7%
BVB	241	1,6%
ABB	190	1,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ICT	-950	-5,2%
VSC	-1.400	-4,4%
SJS	-3.200	-3,9%
CSM	-650	-3,8%
VDP	-1.700	-3,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
S99	-700	-6,0%
SJE	-800	-3,9%
BCC	-300	-3,2%
PLC	-900	-3,0%
VGS	-900	-2,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BWS	-980	-2,9%
GDA	-334	-1,8%
HND	-162	-1,4%
CTX	-229	-1,2%
ABW	-56	-0,5%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VPB	2.685
VIX	2.438
HPG	2.072
FPT	1.862
TCB	1.848

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	691
MBS	378
CEO	370
PVS	181
HUT	103

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
AAS	73
MCH	59
C4G	54
KLB	53
MSR	49

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SVD	2.672.335	287.553
DAH	5.073.205	717.532
VIP	2.042.437	420.175
SJS	1.527.346	323.314
VTP	2.518.271	639.757
HVN	6.827.400	1.950.860
VNE	2.638.752	777.249
FRT	2.476.852	741.411
FUEKIVFS	468.500	150.990
BKG	389.622	130.873

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DXP	631.487	315.316
S99	1.100.657	553.533
SJE	216.300	115.971
TA9	92.600	56.184
VCS	268.669	168.419
SCI	204.132	139.292
NRC	1.581.295	1.086.395
NAG	1.338.935	998.789
HLD	102.901	86.318
C69	898.728	785.264

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
KLB	1.980.561	797.964
HU4	110.316	57.935
C4G	5.692.195	3.106.093
AAS	5.665.974	4.518.774
DRI	698.917	651.579
CLX	145.355	141.332
ECO	51.404	53.520
DVN	204.394	216.054
HNH	363.155	385.835
ALV	141.960	162.486

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.839,7		27,3	2,8	9,5
SSI	3.273,1	60,1	26,8	3,1	11,4
VIX	2.205,7	88,1	26,9	3,2	12,4
VND	1.390,5	83,3	24,7	1,9	7,6
VCI	1.207,8	72,3	33,0	2,6	7,8
HCM	1.121,5	11,1	25,2	2,9	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	549,5		13,9	1,6	12,3
BVH	1.643,1	21,9	18,1	1,9	10,5
PVI	596,6	42,4	16,4	1,8	11,9
BIC	208,3	7,5	10,1	1,8	18,5
VNR	157,4	22,8	13,1	1,1	8,2
MIG	141,9	83,7	11,9	1,4	12,5

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.199,8		24,6	3,9	19,2
ACV	8.105,8	46,2	21,7	3,3	16,2
MVN	2.461,8	0,0	41,2	4,9	12,4
VEA	2.004,5	47,4	7,1	1,8	26,6
GEX	1.846,9	43,0	31,9	3,4	11,1
GEE	1.580,0	49,8	21,1	6,1	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.700,8		21,3	4,3	24,3
MCH	5.162,6	34,3	14,3	8,1	50,1
VNM	5.125,1	51,1	15,4	4,2	26,6
MSN	4.756,9	75,1	47,6	3,9	9,2
SAB	2.323,6	41,4	14,7	2,8	17,5
PNJ	1.136,0	0,0	14,4	2,5	18,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.311,6		-330,9	1,3	5,0
BSR	3.225,8	48,6	-1.746,9	1,5	-0,1
PLX	1.731,3	3,9	21,5	1,8	8,2
PVS	635,9	38,5	13,4	1,2	9,3
PVD	502,5	44,9	16,7	0,8	5,0
OIL	462,5	5,1	40,8	1,2	2,9

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.032,8		18,6	2,1	12,9
GAS	5.734,2	47,2	12,6	2,3	19,4
REE	1.381,7	0,0	15,4	1,9	12,6
POW	1.371,4	46,4	24,6	1,1	4,6
PGV	879,3	50,0	22,3	1,5	7,1
DNH	797,3	0,0	18,1	3,8	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	8.500,8		27,7	2,6	11,5
VIC	19.714,9	44,3	39,5	3,7	9,6
VHM	15.988,1	40,1	15,0	2,0	14,7
BCM	2.706,8	31,9	19,6	3,4	18,2
VRE	2.635,4	31,6	15,8	1,6	10,4
KDH	1.458,9	18,2	48,7	2,2	4,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.550,4		12,8	1,9	16,3
VCB	20.775,2	8,3	15,9	2,6	17,2
BID	11.190,4	12,7	11,5	1,9	17,6
CTG	10.685,4	3,6	9,2	1,7	20,0
TCB	10.568,7	0,1	12,9	1,8	14,3
VPB	9.532,5	5,5	14,4	1,7	12,2

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.705,6		34,6	-2,0	-11,2
VPL	5.451,1	48,9	54,7	4,6	0,0
HVN	4.515,1	21,1	9,9	-30,1	-107,6
MWG	4.499,7	1,6	24,1	4,0	17,0
VJC	3.184,1	22,7	42,5	3,6	9,9
FRT	877,8	18,0	42,1	7,9	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.700,8		21,3	4,3	24,3
HPG	5.162,6	29,9	14,3	8,1	50,1
GVR	5.125,1	12,6	15,4	4,2	26,6
DGC	4.756,9	36,1	47,6	3,9	9,2
KSV	2.323,6	0,0	14,7	2,8	17,5
MSR	1.136,0	100,0	14,4	2,5	18,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.311,6		-330,9	1,3	5,0
DHG	3.225,8	46,1	-1.746,9	1,5	-0,1
IMP	1.731,3	26,4	21,5	1,8	8,2
DBD	635,9	84,6	13,4	1,2	9,3
DVN	502,5	0,0	16,7	0,8	5,0
DTP	462,5	0,0	40,8	1,2	2,9

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.032,8		18,6	2,1	12,9
FPT	5.734,2	11,6	12,6	2,3	19,4
CMG	1.381,7	11,6	15,4	1,9	12,6
SAM	1.371,4	48,4	24,6	1,1	4,6
SGT	879,3	-5,5	22,3	1,5	7,1
ELC	797,3	46,4	18,1	3,8	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

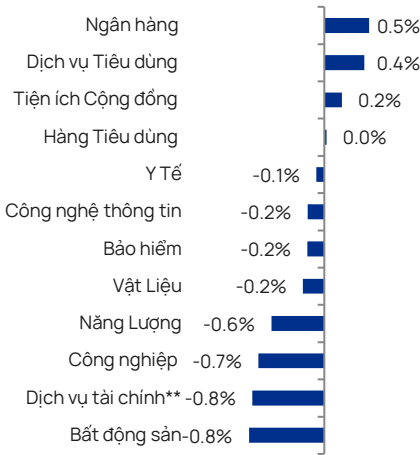
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

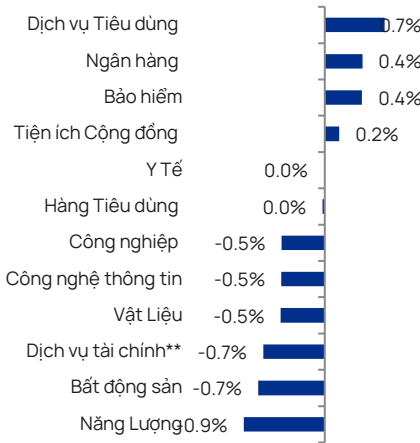


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



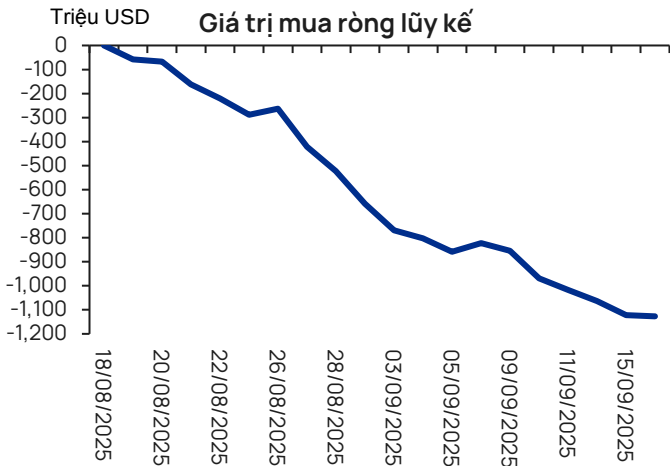
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)

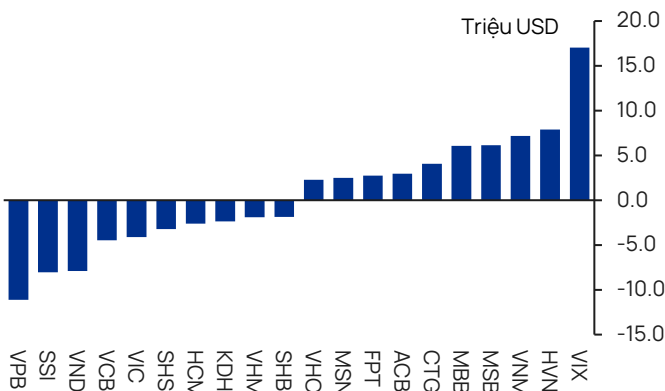


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

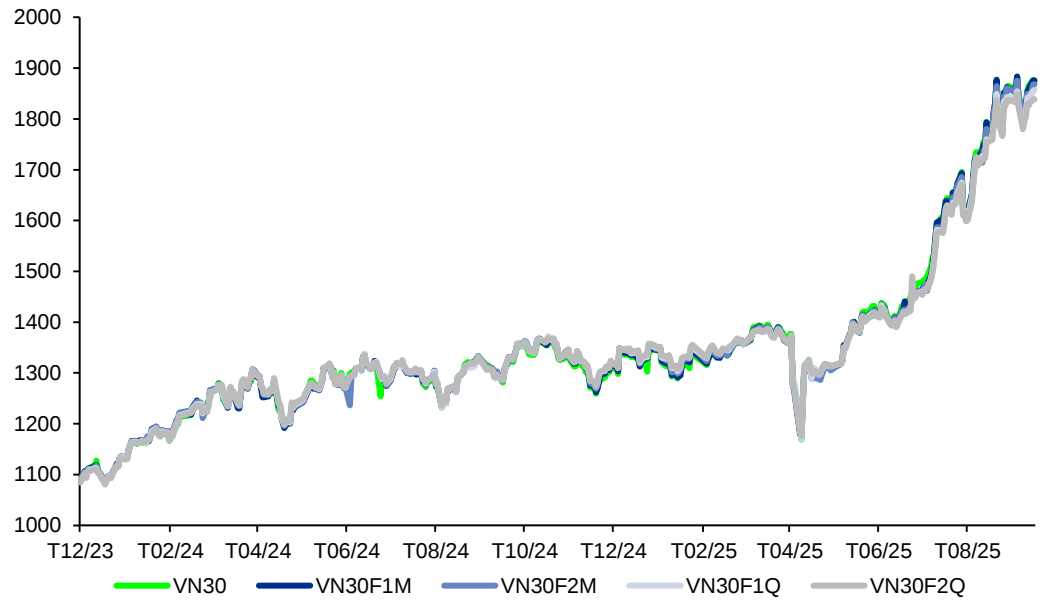
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F2509	1.876,0	0,0	0,0%	0,6
4111FA000	1.868,2	0,7	0,0%	-7,2
VN30F2512	1.857,0	2,0	0,1%	-18,4
41IG3000	1.838,9	1,7	0,1%	-36,5

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F2509	35.737	-2,1%	299,17	15,9%
4111FA000	8.490	58,8%	7,82	135,1%
VN30F2512	971	5,0%	0,20	51,5%
41IG3000	262	6,5%	0,11	-16,9%

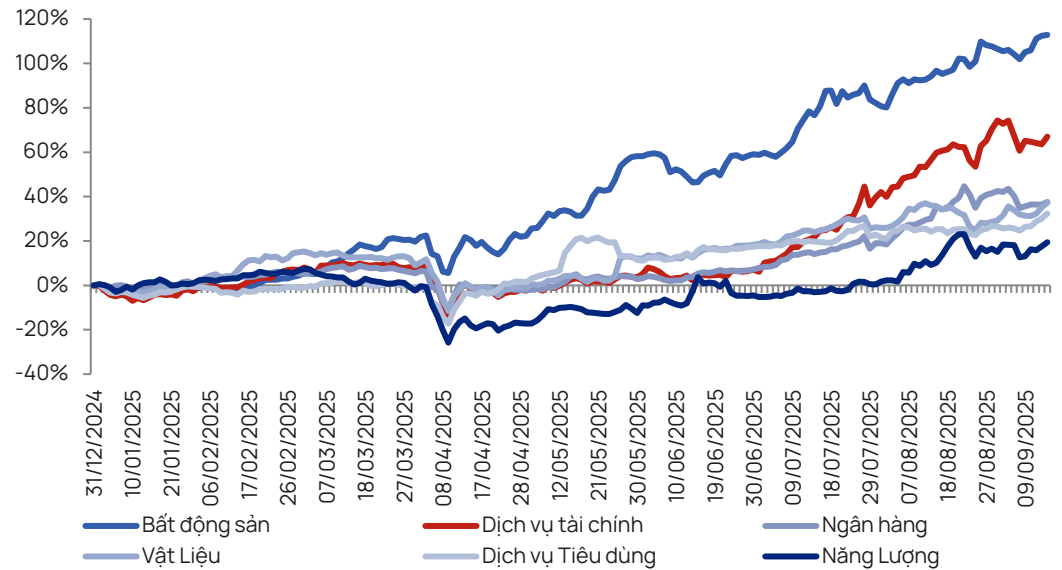


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

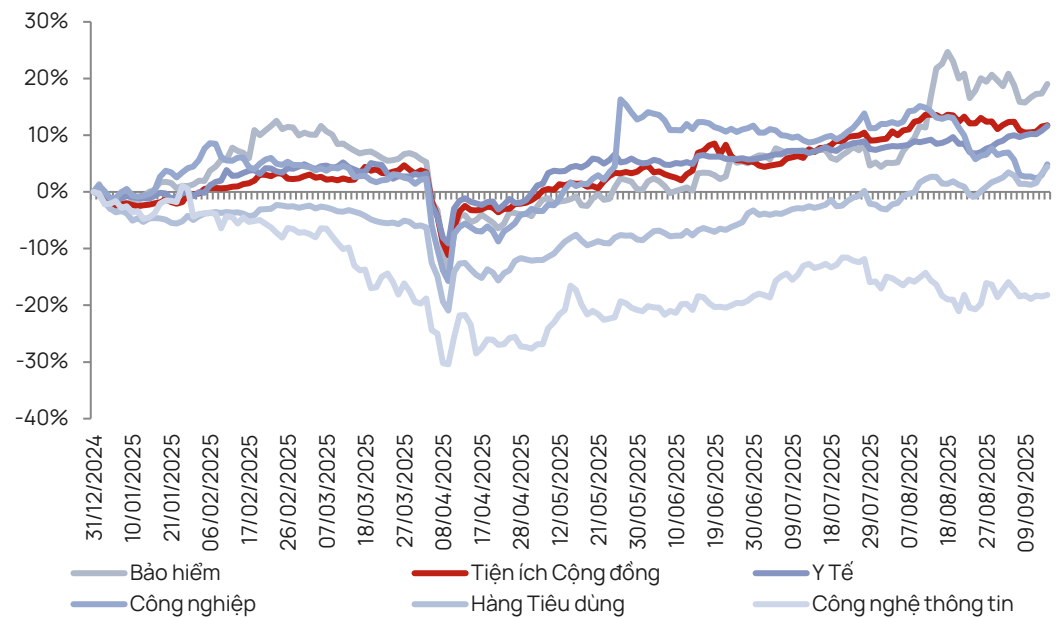
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



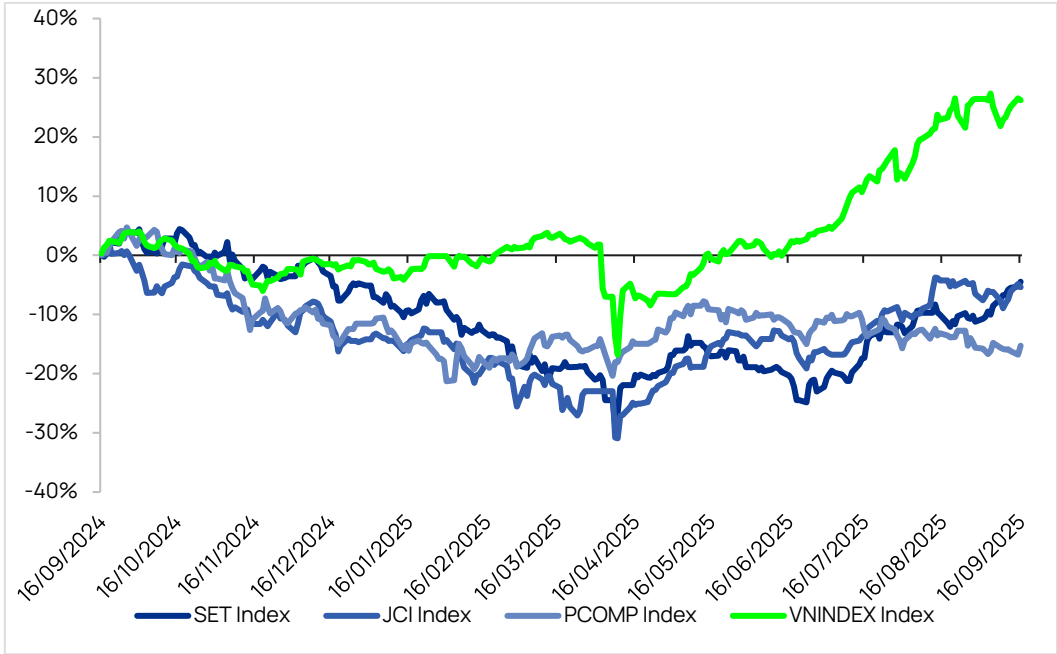
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



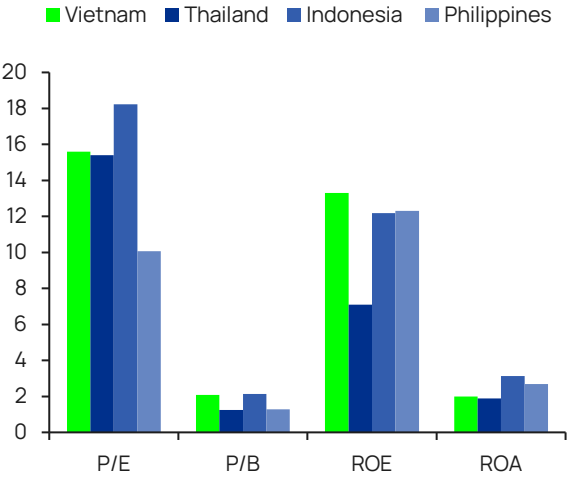
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,4	18,2	10,1	15,6
P/B	1,2	2,1	1,3	2,1
ROE (%)	7,1	12,2	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,1	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	512,4	864,1	153,6	273,4
GTGD trung bình, tr USD	1.236,6	729,9	79,8	790,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-2.542,8	-3.664,2	-736,2	-3.208,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(24,4)	(28,8)	(1,8)	(242,4)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,27%	5,60%	5,75%	3,01%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyễn, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách
hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com
.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.